

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 01 - 2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Phước Tân;

2/ Ông Đặng Tấn Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 548/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 555/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kiều Thị N, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ 12, ấp V, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà N trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và ông Võ Văn L tự tìm hiểu và không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn tôi và ông L sống lúc đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2019 hai bên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến bất đồng trong cuộc sống, từ đó làm cho lòng tin của tôi và ông L không còn nữa, chúng tôi không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay tôi yêu cầu xin ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Hữu L, sinh ngày 04/3/2003 và Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 13/7/2005; các cháu hiện nay do tôi đang nuôi dạy. Khi ly hôn, tôi yêu

cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu T, tôi không cần cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Luân đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà N.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/11/2021 được cháu T khai, cháu là con của ông L và bà N, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ (bà N).

Tòa án đã tổ chức hoà giải để các đương sự hàn gắn lại tình cảm gia đình, tuy nhiên do ông L vắng mặt nên không hòa giải được. Tại phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ bà N không bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện, không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới; ông L vắng mặt.

Ngày 09/12/2021, bà N giao nộp bổ sung chứng cứ là 01 Tờ tự thuận v/v ly hôn cùng vợ đề ngày 05/5/2018 do ông Võ Văn L và bà Kiều Thị N cùng ký tên.

Tại phiên tòa, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn bảo lưu ý kiến. Ông L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, tại phiên tòa thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa ông L và bà N không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà N và ông Lạc là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu T có nguyện vọng muốn sống chung với bà N. Riêng cháu L đã thành niên. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà N và các con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu T lại cho bà được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Kiều Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Võ Văn L. Ông L có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông L và bà N không có đăng ký kết hôn theo quy định nên không làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy không công nhận bà Nấm và ông Lạc là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu T có nguyện vọng xin được tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, riêng cháu L đến thời điểm xét xử đã thành niên. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của bà N và cháu T nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho bà N được tiếp tục nuôi dạy theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp sau này ông, bà có yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà N được chấp nhận, bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Kiều Thị N và ông Võ Văn L là vợ chồng.
- Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 13/7/2005 đang do bà N nuôi dạy cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0006418 ngày 01/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện AP (1);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Quang Bảo